

TRUYỀN THỐNG TRIẾT HỌC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ THẾ GIỚI QUAN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VĂN HÓA TOÀN CẦU

ĐỖ MINH HỢP*
VŨ MẠNH TOÀN**

Trong giới nghiên cứu triết học ở Việt Nam hiện nay, việc đánh giá lại di sản triết học dân tộc, đưa ra một cái nhìn mới về triết học phương Tây cổ điển, phương Tây hiện đại, đặc biệt là truyền thống triết học phương Đông là rất cần thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn, góp phần làm xuất hiện những cách tiếp cận đa dạng. Bài viết góp thêm một góc nhìn về truyền thống thế giới quan triết học Đông - Tây trong bối cảnh hội nhập văn hóa toàn cầu hiện nay.

Từ khóa: triết học, thế giới quan, hội nhập văn hóa

Nhận bài ngày: 04/10/2024; đưa vào biên tập: 05/10/2024; phản biện: 25/10/2024; duyệt đăng: 05/12/2024

1. DẪN NHẬP

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập văn hóa toàn cầu hiện nay đòi hỏi người Việt Nam phải tìm kiếm những định hướng giá trị mới. Đây là một công việc cần thời gian lâu dài và diễn ra không những trong triết học, mà cả trong các lĩnh vực khác: văn hóa, tư tưởng pháp lý và tư tưởng chính trị, trong văn học và nghệ thuật, trong khoa học, trong tôn giáo... Hiện nay, có hai nhu cầu xã hội khác nhau gắn liền với nhau trong bản thân quá trình tìm tòi những giá trị mới ở Việt Nam: *một là*, sự định hướng vào việc tạo dựng những cơ sở tinh thần – thế giới quan của công cuộc đổi mới; *hai là*, sự tính toán đến những chuyển

biến của nền văn minh nhân loại. Và một trong những vấn đề cấp bách của nhân loại ngày nay là việc tạo dựng những định hướng sống mới nhằm tìm lối thoát ra khỏi những cuộc khủng hoảng toàn cầu và đưa loài người vào một chu kỳ phát triển mới của nền văn minh. Quá trình tìm kiếm như vậy đang diễn ra trong toàn bộ triết học của thế giới, trong đó có Việt Nam.

Theo chúng tôi, giống như toàn bộ nền văn hóa hiện đại, nền triết học Việt Nam chưa chuẩn bị đầy đủ để đón nhận những chuyển biến nhanh chóng của nền văn minh ở thời hiện đại và chưa tạo dựng được kho tàng tư tưởng mới cần thiết cho chúng. Cũng có thể là những tư tưởng như vậy đã xuất hiện, nhưng chưa được hiện thực hóa trên phương diện thế giới quan.

*, ** Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Quá trình đối thoại giữa các nền văn hóa, toàn cầu hóa văn hóa đang diễn ra, là quá trình tương tác tích cực giữa các tư tưởng triết học khác nhau. Có thể coi đây là quá trình tích hợp các truyền thống tinh thần phương Đông và phương Tây. Trong bối cảnh tìm tòi các con đường phát triển văn minh mới và các định hướng giá trị mới, chủ nghĩa biệt lập trong triết học hoàn toàn không có chỗ đứng. Song, có một sự thật không thể bác bỏ được là mỗi một bước tiến mới, mỗi một sự đột phá tư tưởng mới trong triết học đều gắn liền với việc xem xét một cách có phê phán toàn bộ sự phát triển của nó trong quá khứ, với việc phân tích một cách có phê phán kho tàng tư tưởng triết học của nhân loại đã tích lũy được.

2. NỘI DUNG

2.1. Thế giới quan trong triết học duy lý phương Tây cận hiện đại

Phần này, chúng tôi tiến hành một sự đánh giá mang tính phê phán đối với toàn bộ loại hình tư duy triết học duy lý cận hiện đại với tư cách tiền đề của hiện đại hóa. Chúng tôi làm rõ những định đề thế giới quan đóng vai trò cơ sở của loại hình tư duy ấy, mối quan hệ của chúng với trạng thái phát triển của nền văn minh hiện đại.

Hầu hết các nhà nghiên cứu triết học trên thế giới hiện nay đều thừa nhận, các tiền đề của chủ nghĩa duy lý thống trị trong văn hóa Châu Âu thời cận hiện đại đã hình thành từ thời Cổ đại. Khi Socrates đặt ra câu hỏi: "Trở thành người đức hạnh trong cuộc

sống và ứng xử như thế nào?" (dẫn theo Đỗ Minh Hợp và nhiều người, 2013: 46.), thì câu trả lời của ông - đầu tiên cần phải hiểu đức hạnh là gì, sau đó mới thực hiện hành vi nhờ dựa vào sự hiểu biết ấy. Điều đó có nghĩa rằng, nhận thức duy lý về thế giới đóng vai trò điều kiện cho hành vi đúng và cho cuộc sống có đức hạnh. Tư tưởng này đã trở thành cương lĩnh thống trị trong sự phát triển sau đó của tư tưởng Châu Âu cận hiện đại. Nó đã được phát triển trong chủ nghĩa duy lý của Hêghen, thể hiện trong tư duy dự phóng. Theo tư duy này, có thể và cần phải xây dựng cuộc sống theo một dự phóng nhờ cải biến các khách thể xã hội và thậm chí điều khiển sự phát triển của cá nhân dựa trên tri thức về các quy luật phát triển xã hội. Tất cả những tư tưởng ấy đã hòa nhập hài hòa với truyền thống văn hóa sinh ra nền văn minh công nghệ hiện đại cùng với những kết quả tích cực và tiêu cực của nó. Xuất phát từ tư duy đó, văn hóa phương Tây coi giá trị của cá nhân con người chiếm ưu thế đối với giá trị của tự nhiên. Con người được xem là một bộ phận đặc biệt có tinh thần của tự nhiên, kế tục những hành vi sáng tạo của Chúa. Con người được tách khỏi tự nhiên, và được xem xét chủ yếu theo chiều cạnh là chủ thể chinh phục tự nhiên. Hoạt động của con người hướng ngoại, hướng vào việc cải tạo thế giới bao quanh và bắt nó phục tùng con người. Quan niệm đó rõ ràng đã mở đường cho sự phát

triển của khoa học tự nhiên mà đặc biệt là khoa học thực nghiệm; trong triết học, những tư tưởng, quan điểm được trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc, hệ thống từ bản thể luận đến nhận thức luận.

2.2. Truyền thống thế giới quan trong triết học phương Đông

Một truyền thống khác trong quan niệm về lý tính và hoạt động đã tồn tại ở phương Đông – đó là lý tưởng can thiệp tối thiểu vào tiến trình của các quá trình tự nhiên và xã hội (nguyên tắc “vô vi”) đã thống trị trong nhiều thế kỷ, và quan niệm về “đạo” như sự thống nhất giữa chân lý và đạo đức... đã được phát triển ở đây (Doãn Chính, 2009: 318-331). Chúng ta có thể tìm thấy quan niệm về vũ trụ như một cơ thể thống nhất, mọi bộ phận của nó đều ảnh hưởng lẫn nhau, trong tất cả các vũ trụ luận phương Đông truyền thống. Lý tưởng về sự thống nhất nội tại và sự hài hòa giữa con người với tự nhiên được đưa ra trong hầu hết các nền văn hóa phương Đông. Điển hình của sự thống nhất ấy được thể hiện trong nguyên lý của Đạo giáo và Khổng giáo “một trong tất cả và tất cả trong một”, trong học thuyết về “Pháp” (dharma) của Phật giáo, trong đó tất cả mọi yếu tố của “Pháp” đều có sức mạnh như nhau và liên hệ với nhau (theo Đặng Nguyên, 2018). Thế giới ở đây không được linh hội như một cái bị chia đôi ra thành thế giới tự nhiên và thế giới người, mà được xem như là một cơ thể toàn vẹn, “hợp nhất”.

Suy ngẫm về sự cộng hưởng giữa mọi bộ phận của vũ trụ, các nhà hiền triết Trung Quốc cho rằng, “đạo” hay “thiên” điều tiết hành vi của con người, nhưng “thiên” có thể “ngoảnh mặt” đi đối với con người và đoạn tuyệt với nó. Không phải ngẫu nhiên mà người Trung Quốc nói rằng, thưởng phạt của Trời là tùy thuộc vào hành vi của con người. Những thiên tai ở Trung Quốc cổ được coi là bằng chứng về sự cảm quyền sai trái, lỗi sống vô đạo của các vua chúa, vì vậy mà “thiên” ngoảnh mặt đi đối với con người. Trong các nền văn hóa phương Đông, giá trị của tự nhiên được đặt lên trên giá trị của con người. Hoạt động của con người được định hướng không hẳn ra bên ngoài (hướng ngoại) mà chủ yếu vào bên trong (hướng nội), vào sự tự giáo dục, tự kìm chế để con người thích nghi được với chỉnh thể tự nhiên. Con người không được hiểu là một thành tố đặc biệt tách rời khỏi tự nhiên mà con người tham gia vào vòng luân chuyển của cơ thể vũ trụ. Là một bộ phận của tự nhiên, là kết quả của sự vận hành âm dương của trời đất, nên con người phải hợp với đạo “Trung hòa”, “Trung dung”, “Trung thứ”, tức phải sống với mình và hợp với người, hợp với tự nhiên. Từ đó, những nỗ lực tìm hiểu thế giới của người phương Đông chủ yếu đi vào lý giải các hiện tượng tinh thần, chính trị và đạo đức bằng những khái niệm hết sức trừu tượng.

Những tư tưởng ấy ẩn chứa một nội dung sâu sắc, gắn liền với yêu cầu

điều tiết hoạt động nhận thức và hoạt động của con người về mặt đạo đức. Với ý nghĩa sâu sắc đó, chúng hoàn toàn phù hợp với những tìm tòi hiện nay về các định hướng thế giới quan mới của sự phát triển văn minh nhân loại.

2.3. Xu hướng dung hòa và tiếp biến trong thế giới quan triết học Đông - Tây

Ở phần này, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, hiện nay là thời gian tìm tòi, tiếp biến giữa các nền triết học, các nền văn hóa đa dạng, là sự mở đầu cuộc đối thoại giữa chúng. Bên trong nền văn hóa phương Tây hiện đại đang hình thành các quan niệm thế giới quan mới, có cùng sắc thái với các tư tưởng triết học phương Đông, mặc dù chúng gắn liền với một truyền thống khác.

Trong một thời gian dài, khi đóng vai trò nhân tố quyết định của nền văn minh phương Tây, tính hợp lý khoa học và chiến lược hoạt động công nghệ đã bị đem đối lập với loại hình tư duy và hành động phương Đông. Nhưng, ở nửa sau thế kỷ XX, các quan niệm thế giới quan mới đã bắt đầu tích cực hình thành ở trong lòng nền văn hóa công nghệ phương Tây, chúng bất ngờ trở nên gần gũi với các tư tưởng phương Đông, mặc dù xuất hiện trong lòng một truyền thống văn hóa khác. Đó là bức tranh thế giới của khoa học và tâm tính hình thành trong thực tiễn khai thác các hệ thống tri thức phức tạp, phát triển theo dòng chảy lịch sử.

Trước hết, cần phải nói tới những tư tưởng mới về nguyên tắc trong bức tranh thế giới của khoa học. Chúng có liên quan đến các quan niệm về tự nhiên và sự tương tác của con người với nó. Những tư tưởng này không còn phù hợp với quan niệm mang tính truyền thống của cách tiếp cận công nghệ về tự nhiên như về thế giới vô cơ lãnh đạm đối với con người, thái độ đối với tự nhiên như cỗ máy vô hồn có thể được thí nghiệm, khai thác theo từng bộ phận, bị cải biến và bắt phải phục tùng con người.

Khoa học hiện đại đã hình thành một quan niệm mới về môi trường tự nhiên như là nơi diễn ra hoạt động sống của con người. Tự nhiên bắt đầu được quan niệm không phải là tập hợp những khách thể có chất lượng đặc thù, thậm chí không phải là hệ thống cơ học mà là một cơ thể sống toàn vẹn, con người chỉ có thể cải tạo nó trong một giới hạn nhất định. Việc phá vỡ giới hạn ấy sẽ làm thay đổi hệ thống, chuyển sang một trạng thái khác về chất, làm biến mất nhiều loại sinh thể, làm cho loài người có nguy cơ bị diệt vong. Đến giữa thế kỷ XX, quan niệm như vậy về môi trường bao quanh con người vẫn bị coi là sự quay lại với ý thức bán thần thoại không phù hợp với các tư tưởng và các nguyên lý khoa học. Nhưng sau đó, các tư tưởng về tuệ quyền⁽¹⁾ của Vernadsky (2001, tập 1: 604) như một hệ thống hữu sinh toàn vẹn đã trở thành một nguyên lý khoa học được nhiều nhà khoa học ủng hộ và luận chứng.

Quan niệm mới về tự nhiên đã kích thích việc tìm kiếm những lý tưởng mới về quan hệ của con người với tự nhiên với tư cách là cơ sở tinh thần để giải quyết những vấn đề toàn cầu hiện đại. Người ta tích cực nghiên cứu các tư tưởng của “sinh thái học miền sâu”. Theo Deep Ecology, sinh thái học này đoạn tuyệt với chủ nghĩa con người là trung tâm và xem con người không phải là chủ nhân của tự nhiên và trung tâm của vũ trụ, mà là sinh thể tham gia vào sự sống đa dạng với tư cách một bộ phận cấu thành của nó, có quan hệ với những bộ phận khác không phải dựa trên sự cạnh tranh và thống trị, mà dựa trên sự hợp tác và tương ái.

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ

Những biến thể đa dạng của một đạo đức mới đã được đưa ra từ lập trường ấy, bên cạnh những chuẩn mực ứng xử xã hội là cái điều tiết quan hệ giữa người với người, đạo đức này còn bao hàm đạo đức sinh thái - đạo đức hạn chế tự do hành động của con người trong cuộc đấu tranh vì sinh tồn của nó. Đạo đức học mới cũng cần phải điều tiết quan hệ của con người với Trái Đất, với động vật và thực vật, hình thành sự tin tưởng vào trách nhiệm cá nhân về số phận của Trái Đất.

Song song với việc phát triển một quan niệm đạo đức học mới về thế giới, người ta cũng đưa ra các chương trình cải cách các tôn giáo truyền thống và xây dựng một cảm quan cho phép thực hiện lý tưởng về trách nhiệm của con người đối với tự

nhiên, về mối liên hệ mật thiết giữa con người và tự nhiên, quan niệm về hoạt động của con người như sự phát triển tiếp theo của tự nhiên, chứ không phải chống lại tự nhiên. Điều thú vị là quan điểm trên xuất hiện trong văn hóa phương Tây nửa sau thế kỷ XX và dựa trên quan niệm khoa học hiện đại về môi trường tự nhiên bao quanh con người, đều gần gũi với định hướng thế giới quan của các nền văn hóa phương Đông, cũng như với triết học phương Tây.

Tham gia vào thế giới, con người cần phải cảm nhận nhịp điệu thế giới, làm cho lý tính của mình phù hợp với nhịp điệu trời đất, của “vũ trụ”, chỉ khi đó con người mới nhận thức được bản chất của các sự vật và lắng nghe thấy “nhịp điệu của chính mình”. Bản thân tư tưởng về các nhịp điệu của thế giới, sự tương tác giữa chúng, kể cả nhịp điệu hoạt động sống của con người, bị lý tính Châu Âu một thời gian dài coi là không có chỗ dựa vững chắc trong các sự kiện khoa học, là một điều “thần bí” và không biểu thị được một cách hợp lý bằng khoa học thực chứng. Tuy nhiên, bức tranh thế giới của khoa học hiện đại đã hình thành quan niệm mới về sự tương tác giữa các bộ phận trong chỉnh thể và sự phù hợp giữa những biến đổi của chúng.

Một vấn đề nảy sinh là *sự phân định giữa chân lý và đạo đức, giữa hành vi duy lý (có mục đích rõ ràng) và hành vi duy cảm* đặc trưng cho các truyền thống văn hóa phương Tây và phương Đông.

Rõ ràng là cuộc cách mạng khoa học ở Châu Âu đã tách biệt chân lý khoa học khỏi đạo đức, do vậy mà thế giới trở nên 'nguy hiểm' hơn. Trong khi sự tách biệt như vậy không bao giờ có trong các học thuyết triết học phương Đông. Sự đối lập này trở nên khác đi với những xu hướng mới trong nhận thức khoa học và hoạt động công nghệ, khi mà khách thể có liên quan trực tiếp đến con người (sinh quyền, các khách thể xã hội, môi trường sinh thái, mạng vi tính,...). Việc không thể tiên đoán chính xác hoạt động của khách thể trong tương lai luôn đặt ra cho chủ thể vấn đề lựa chọn để không bị sa vào hoạt động nguy hiểm. Định hướng ở đây không những là tri thức về các kịch bản có thể, mà trước hết là những giá trị và những định hướng đạo đức ngăn chặn hoạt động không tính toán và nguy hiểm (Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Kim Lai, 2004: 102-108). Khi khai thác các hệ thống có liên quan tới số phận con người, sự cần thiết của mối liên hệ mật thiết giữa chân lý và đạo đức rất gần gũi với truyền thống của các nền văn hóa phương Đông cổ. Các nền văn hóa này khẳng định, để chân lý mặc khải cho con người, con người cần phải tự giáo dục mình về mặt đạo đức.

Như vậy, vào đầu thế kỷ XXI, loài người đang phải đối mặt với vấn đề lựa chọn các chiến lược sinh tồn mới, nhiều tư tưởng được đưa ra trong các học thuyết phương Đông truyền thống ăn nhập với những giá trị và những nội dung thế giới quan mới đang xuất

hiện trong lòng nền văn hóa công nghệ phương Tây hiện đại.

Tất nhiên, điều nói trên không có nghĩa là cần phải quay về với thế giới quan của xã hội truyền thống. Vấn đề là ở việc *thực hiện tiềm năng gọi mở của văn hóa phương Tây trong quá trình tìm kiếm những giá trị mới và ở việc sử dụng kinh nghiệm tinh thần được tích lũy trong các nền văn hóa phương Đông cho mục đích ấy*. Chúng ta có thể nhận thấy ảnh hưởng của kinh nghiệm ấy trong tất cả các công trình nghiên cứu sinh thái học và đạo đức học sinh thái. Cuộc đối thoại giữa các nền văn hóa đang diễn ra ở đây. Đối thoại văn hóa trong bối cảnh hiện đại không những là sự hiểu biết lẫn nhau giữa chúng mà còn là sự tham gia vào việc tạo dựng một hệ thống giá trị mới có nhiệm vụ trở thành cơ sở cho sự phát triển an toàn và bền vững của nhân loại. Những giá trị mới này không thể được quy về truyền thống phương Tây hay phương Đông, mà thể hiện là một sự tích hợp có lựa chọn giữa chúng.

Rõ ràng là cả hai quan niệm trên của phương Đông và phương Tây đều có những điểm mạnh và điểm yếu của mình. Do vậy, hệ giá trị mới mà nhân loại đang tìm kiếm cần tích hợp chúng một cách có chọn lọc.

Để hoàn thành nhiệm vụ trọng đại ấy, chúng ta cần phải có một sự đánh giá thỏa đáng về quá khứ triết học. Trong lịch sử, *chính sự thành kiến sẵn có của người phương Tây đối với người phương Đông và sự "ngông cuồng"*

của khoa học thực nghiệm trước những hiện tượng văn hóa tinh thần huyền bí của người phương Đông đã ngăn cản rất nhiều sự tích hợp văn hóa Đông - Tây. Điều này trước hết có thể thấy trong triết học Hêghen. Chúng ta có thể phát hiện thấy tư tưởng đấu tranh giữa các mặt đối lập trong phép biện chứng Hêghen. Nhưng ngoài ra, chúng ta cũng còn có thể phát hiện ra cả tư tưởng dung hòa giữa các mâu thuẫn trong chính phép biện chứng Hêghen. Điều này là đặc biệt quan trọng, vì trong quá trình tìm kiếm tính ổn định cho xã hội hiện đại đang bị chia rẽ bởi những xung đột, chúng ta cần có một cái nhìn khác về tư tưởng này của Hêghen. Bởi vì, tư tưởng này ở Hêghen thể hiện là sự luận chứng cho giá trị của xã hội công dân và khế ước xã hội. Giá trị của khoan dung, của việc tìm kiếm đồng thuận và phát triển phi bạo lực trở thành điều kiện quan trọng nhất cho sự sống còn của loài người. Hêghen thích nói, con chim cú Minerva⁽²⁾ bay ra vào buổi hoàng hôn (xem: Hêghen, 2008, cuốn I: 212-214) là một ví dụ điển hình về những nội dung trên. Thực tiễn lịch sử phát triển của loài người đã cho thấy nhân loại đã phải trả một cái giá quá đắt cho văn hóa đối đầu. Do vậy, trong giai đoạn phát triển mới của nền văn minh nhân loại cho thấy định hướng thế giới quan cơ bản phải là định hướng vào *đối thoại có tính đến tính đa dạng, độc đáo của các truyền thống văn hóa và các lợi ích dân tộc, vào việc tìm kiếm đồng*

thuận và thống nhất mà không thủ tiêu tính đa dạng, không hướng vào sự nhất thể hóa. Hiện nay, loài người đang lựa chọn một cách thức nhất thể hóa mới, khi mà sự đặc thù của mỗi nền văn hóa vẫn được giữ lại, nhưng nó không đóng cửa, tự khép kín mình, mà mở cửa cho các nền văn hóa khác, sẵn sàng đối thoại với chúng dựa trên cơ sở tự do trao đổi thông tin.

3. KẾT LUẬN

Triết học đóng một vai trò đặc biệt trong sự nghiệp tạo dựng văn hóa đối thoại dựa trên tinh thần khoan dung và hòa bình, vì triết học là những mặc tưởng về các biểu hiện chủ yếu của tồn tại người, đó là: sự sống và cái chết, lý tính con người và vũ trụ, mục đích tồn tại của con người... Từ xa xưa, triết học khám phá thế giới hiện thực xung quanh và thế giới tinh thần nội tâm cho con người. Rốt cuộc, môi trường vật chất được cải biến nhờ những nỗ lực tinh thần sáng tạo của con người, thế giới tinh thần vô hình có được những đặc điểm mới, mở rộng giới hạn của mình, tự hoàn thiện mình. Triết học chỉ ra sự sống là quý giá và không nên phung phí nó một cách vô thức và vô ích. Nhân loại hôm nay cần thiết nhận thức sâu sắc tư tưởng của các vĩ nhân (Khổng Tử, Giêsu, C. Mác, Tôn Dật Tiên, Hồ Chí Minh...) để ý thức được sự thật đơn giản ấy, Chúng tôi cho rằng, dù mỗi người có mang trên mình những đặc điểm khác biệt về màu da, sắc tộc, chủng tộc..., tất cả chúng ta đều thuộc về một loài Người, đều hướng tới

những giá trị “chân, thiện, mỹ” được kết tinh trong triết học. Đã đến lúc chúng ta cần xây dựng một “triết học chung nhân loại” nhờ tích hợp những

trinh hoa văn hóa đông - tây. Triết học phải đi đầu trong công nghiệp đầy vinh quang song cũng đầy trở ngại này. □

CHÚ THÍCH

(1) Tuệ quyền (noosfera) là trạng thái xã hội và sự tương tác giữa nó với tự nhiên trong tương lai, khi mà trí tuệ sẽ giữ địa vị chủ đạo. Noosfera là trạng thái xã hội, trong đó thước đo về của cải xã hội và cá nhân là những giá trị tinh thần và tri thức của con người sống trong sự hài hòa với tự nhiên bao quanh (xem: Toàn cầu học. Bách khoa thư, tập 1, 2001, tr. 604).

(2) Trong thần thoại Hy Lạp, chim cú là biểu tượng của Nữ thần trí tuệ Athena và trở thành biểu tượng xuất hiện trên các đồng xu Hy Lạp (gọi là con cú của Minerva), chim cú được liên hệ đến sự phồn vinh. Trong thần thoại phương Tây, cú gắn mình với trí tuệ và sự nhanh nhẹn nên được xem như biểu tượng của sự thông thái và những cảm quan sâu sắc. Ở nhiều quốc gia trên thế giới, loài chim cú này cũng có nhiều ý nghĩa tốt đẹp. Trong văn hóa phương Tây hiện đại, cú là biểu tượng của sự khôn ngoan, là hình tượng biểu trưng cho việc học thuật vì thói quen thức suốt đêm của chúng như những học giả tận tâm. Trong nền văn hóa hiện đại Nhật Bản, biểu tượng con chim cú có một ý nghĩa đặc biệt khá to lớn là nó mang tới may mắn và sự bảo hộ khỏi đau khổ và bảo vệ khỏi những rủi ro trong cuộc sống và nó còn mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp khác. Ở Việt Nam, chim cú (cú mèo, cú lợn) bị coi là điềm dữ và xui xẻo.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Doãn Chính. 2009. *Từ điển Triết học Trung Quốc*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Đăng Nguyên. 2018. “Khái niệm pháp (dharma) trong Phật giáo”. <https://giacngo.vn/khai-niem-phap-dharma-trong-phat-giao-post44294.html>, truy cập ngày 25/10/2024.
3. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Đắc Lý, Lê Kim Bình. 2013. *Triết học đại cương*. Hà Nội: Nxb. Thời Đại.
4. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Kim Lai. 2004. *Những vấn đề toàn cầu trong thời đại ngày nay*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
5. G.W.F. Heghen. 2008. *Bách khoa thư các khoa học Triết học I - Khoa học lôgic* (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải). Hà Nội: Nxb. Tri thức.